

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI  
NHỰA VIỆT THÀNH  
QUY I NĂM 2021

## BẢO CẠO TẠI CHÍNH



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		411.070.999.840	359.121.199.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		4.985.632.110	3.702.896.027
1. Tiền	111	1	4.985.632.110	3.702.896.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		3.510.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	3.510.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139)	130		111.610.896.192	89.899.185.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	97.258.195.704	86.085.198.571
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	11.825.346.644	550.517.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	2.527.353.844	3.263.469.204
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		285.432.516.517	259.239.782.593
1. Hàng tồn kho	141	6	285.432.516.517	259.239.782.593
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155)	150		5.531.955.021	6.279.335.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2.253.555.312	2.156.017.637
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.278.399.709	4.123.318.169
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		138.015.376.808	133.635.187.640
I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 214 + 215 + 216 + 219)	210		8.658.185.361	8.573.932.669
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.658.185.361	8.573.932.669
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		125.238.282.579	121.323.108.311
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	8	52.472.991.571	49.002.265.971
- Nguyên giá	222		89.517.003.215	83.963.063.670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.044.011.644)	(34.960.797.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	9	41.203.898.603	40.591.728.416
- Nguyên giá	225		55.443.555.849	52.156.965.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(14.239.657.246)	(11.565.237.433)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	10	31.561.392.405	31.729.113.924
- Nguyên giá	228		32.400.000.000	32.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(838.607.595)	(670.886.076)
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		4.118.908.868	3.738.146.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	4.118.908.868	3.738.146.660
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>549.086.376.648</b>	<b>492.756.387.499</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	300		371.722.192.743	377.969.798.944
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 322 + 323 + 324)	310		328.392.002.217	336.239.943.825
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	39.273.862.346	73.197.306.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.489.835.907	295.771.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.562.102.669	3.018.213.803
4. Phải trả người lao động	314		2.440.897.734	2.701.799.789
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.922.891.149	2.724.256.852
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	278.702.412.412	254.302.595.734
<b>II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)</b>	330		43.330.190.526	41.729.855.119
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14	2.910.070.073	3.127.698.866
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	40.420.120.453	38.602.156.253
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	400		177.364.183.906	114.786.588.555
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 420 + 421 + 422)	410	16	177.364.183.906	114.786.588.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		150.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	100.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		27.364.183.906	14.786.588.555
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.786.588.555	1.645.507.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.577.595.351	13.141.081.529
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	440		549.086.376.648	492.756.387.499

Người lập biểu

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ YÊN AN

PHAN VĂN QUẢN

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021



31/03/2021

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
 QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	225.082.349.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		225.082.349.004
4. Giá vốn hàng bán	11	2	197.706.161.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		27.376.187.923
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	491.743
7. Chi phí tài chính	22	4	6.132.387.069
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.125.385.069
8. Chi phí bán hàng	25	5	3.939.833.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	1.564.411.945
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		15.740.047.393
11. Thu nhập khác	31	6	21.743.003
12. Chi phí khác	32	7	39.796.208
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(18.053.205)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.721.994.188
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8	3.144.398.838
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		12.577.595.351
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	9	1.215

Người lập biên

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ YÊN NGA

PHAN VĂN QUẢN



Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 QUÝ I NĂM 2021

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày  
 31/03/2021

Chỉ tiêu	Ma số	QUÝ I NĂM 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	1	15.721.994.188
1. Lợi nhuận trước thuế		
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	2	5.412.552.226
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(22.234.146)
- Chi phí lãi vay	6	6.125.385.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	27.237.697.337
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(20.951.044.991)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(26.192.733.924)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(32.672.990.677)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(478.299.883)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.125.385.069)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.936.795.240)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(62.119.552.447)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(62.119.552.447)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(6.223.485.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	(3.510.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	491.743
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	30	(9.528.902.348)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	173.200.775.570
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(145.915.424.778)
4. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	(4.354.159.914)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	72.931.190.878
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	1.282.736.083
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	3.702.896.027
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4.985.632.110

Người lập biểu

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kê toán trưởng

NGUYỄN THỊ YÊN NGA

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

PHAN VĂN QUẬN



**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310710930, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 9 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

**2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

**3 Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

**4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

**6 Câu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 lập báo cáo tài chính, Công ty không có đơn vị trực thuộc.

**II. KỶ KẾ TOÀN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÀN**

**1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

**2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

30/03/2021  
Khu NH  
4H  
CM



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH**

QUY I NĂM 2021

**IV. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**  
Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp tham gia giao dịch theo nguyên tắc:  
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là ngoại tệ mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp tham gia giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là ngoại tệ: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.  
Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.  
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian qua hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tồn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:  
- Nhà cửa, vật kiến trúc

05 – 10 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUY I NĂM 2021

- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Quyền sử dụng đất (có thời hạn)
- Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao.

04 – 05 năm  
03 – 06 năm  
39 – 40 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu được lái suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm đầu việc xác định tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm đầu việc xác định tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị
- 03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải
- 03 – 06 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

- Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nêu:
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH**  
QUY I NĂM 2021

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phần ảnh hưởng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khả năng dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phần ảnh hưởng của chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phần ảnh hưởng của chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, tiền thuê nhà; khấu trừ tiền thuê nhà; chi phí mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH**  
 QUÝ I NĂM 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021	01/01/2021
Tiền mặt	3.339.469.331	3.462.591.089
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.646.162.779	240.304.938
<b>Cộng</b>	<b>4.985.632.110</b>	<b>3.702.896.027</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/03/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Tiền gửi có kỳ hạn tại MB bank	3.510.000.000	-
	3.510.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/03/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Thương mại Vĩnh Thành	3.747.800.063	-
Công ty TNHH MTV Nam Hưng Meko Mart	331.963.653	899.056.834
Công ty TNHH Song Anh Nguyễn	5.227.907.681	5.227.907.681
Công ty TNHH SX TM DV và xuất nhập khẩu Âu Lạc Việt Nam	3.899.274.788	8.848.074.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đức Anh Phát	38.523.474.432	28.950.499.788
Các đối tượng khác	45.527.775.087	42.159.659.470
<b>Cộng</b>	<b>97.258.195.704</b>	<b>86.085.198.571</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/03/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần A Đông ADG	3.850.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Marubeni Việt Nam	6.700.000.000	-
CHUAN LIH FA MACHINERY WORKS CO., LTD.	987.468.000	-
Cá đối tượng khác	287.878.644	550.517.658
<b>Cộng</b>	<b>11.825.346.644</b>	<b>550.517.658</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 QUÝ I NĂM 2021

**5. Phải thu khác**

	31/03/2021	01/01/2021
<b>a) Ngân hàng</b>	2.527.353.844	3.263.469.204
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.527.353.844	3.263.469.204
<b>b) Dài hạn</b>	8.658.185.361	8.573.932.669
Kỳ quỹ thuế tài chính	4.906.271.183	4.723.749.463
Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	2.737.916.198	2.836.183.206
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn (thuế kho)	1.013.997.980	1.014.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.185.539.205</b>	<b>11.848.993.085</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/03/2021	01/01/2021
<b>a) Nguyên liệu</b>	157.829.923.156	96.372.189.484
Hàng mua đang đi đường	-	14.256.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	-	96.372.189.484
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.975.947.275
Thành phẩm	127.002.593.361	146.635.645.834
<b>Cộng</b>	<b>285.432.516.517</b>	<b>259.239.782.593</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/03/2021	01/01/2021
<b>a) Ngân hàng</b>	2.253.555.312	2.156.017.637
Chi phí trả trước chờ kết chuyển	439.828.917	429.101.382
Chi phí trả trước ngân hàng khác	1.813.726.395	1.726.916.255
<b>b) Dài hạn</b>	4.118.908.868	3.738.146.660
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	154.528.221	152.244.553
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.241.931.688	2.157.778.333
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.722.448.959	1.428.123.774
<b>Cộng</b>	<b>6.372.464.180</b>	<b>5.894.164.297</b>



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**8. Tang, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa,	Máy móc, Phương tiện vận	Công
Nguyên giá	25.502.323,677	46.339.691,302	12.121.048,691
Số dư đầu kỳ	-	6.223.485,000	6.223.485,000
Số tăng trong kỳ	-	6.223.485,000	-
Số mua trong kỳ	-	6.223.485,000	-
Số giảm trong kỳ	-	75.000,000	669.545,455
Số thanh lý, nhượng bán	-	75.000,000	669.545,455
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.502.323,677</b>	<b>52.488.176,302</b>	<b>11.526.503,236</b>

Đơn vị tính: VND

**Giá trị hao mòn lũy kế**  
 Số dư đầu kỳ 295.480,000  
 Số tăng trong kỳ 461.323,302  
 - Khấu hao tăng trong kỳ 461.323,302  
 Số giảm trong kỳ -  
 - Thanh lý, nhượng bán 487.196,949  
**Số dư cuối kỳ 756.803,302**

Giá trị còn lại	25.206.843,677	21.534.555,604	2.260.866,690
Tại ngày đầu kỳ	24.745.520,375	26.341.686,540	1.385.784,656
Tại ngày cuối kỳ	24.745.520,375	26.341.686,540	52.472.991,571

**Giá trị còn lại**  
 Tại ngày đầu kỳ 25.206.843,677  
 Tại ngày cuối kỳ 24.745.520,375

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH  
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

9. Tang, giảm tài sản cố định thuê tài chính  
 Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
50.134.662.212	2.022.303.637	52.156.965.849	3.286.590.000	55.443.555.849
-	-	-	-	-
53.421.252.212	2.022.303.637	55.443.555.849	-	110.886.076
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu kỳ	Số dư đầu kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
10.860.876.378	704.361.055	11.565.237.433	2.674.419.813	13.448.003.235
2.587.126.857	87.292.956	2.674.419.813	-	5.260.787.916
-	-	-	-	-
13.448.003.235	791.654.011	14.239.657.246	-	28.708.791.155
Giá trị còn lại	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
39.273.785.834	1.317.942.582	40.591.728.416	39.973.248.977	41.203.898.603
39.973.248.977	1.230.649.626	41.203.898.603	39.973.248.977	41.203.898.603

10. Tang, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000
-	-	-	-	-
32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu kỳ <td>Số dư đầu kỳ <td>Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td> </td></td>	Số dư đầu kỳ <td>Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td> </td>	Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td>	Số dư cuối kỳ
670.886.076	167.721.519	670.886.076	-	1.338.607.595
167.721.519	167.721.519	670.886.076	-	838.607.595
-	-	-	-	-
838.607.595	838.607.595	-	-	838.607.595
Giá trị còn lại	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924
31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924

Quyền sử dụng đất

32.400.000.000

838.607.595

31.561.392.405

31.729.113.924

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

9. Tang, giảm tài sản cố định thuê tài chính  
 Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
50.134.662.212	2.022.303.637	52.156.965.849	3.286.590.000	55.443.555.849
-	-	-	-	-
53.421.252.212	2.022.303.637	55.443.555.849	-	110.886.076
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu kỳ	Số dư đầu kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
10.860.876.378	704.361.055	11.565.237.433	2.674.419.813	13.448.003.235
2.587.126.857	87.292.956	2.674.419.813	-	5.260.787.916
-	-	-	-	-
13.448.003.235	791.654.011	14.239.657.246	-	28.708.791.155
Giá trị còn lại	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
39.273.785.834	1.317.942.582	40.591.728.416	39.973.248.977	41.203.898.603
39.973.248.977	1.230.649.626	41.203.898.603	39.973.248.977	41.203.898.603

10. Tang, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000
-	-	-	-	-
32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu kỳ <td>Số dư đầu kỳ <td>Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td> </td></td>	Số dư đầu kỳ <td>Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td> </td>	Số giảm trong kỳ <td>Số dư cuối kỳ</td>	Số dư cuối kỳ
670.886.076	167.721.519	670.886.076	-	1.338.607.595
167.721.519	167.721.519	670.886.076	-	838.607.595
-	-	-	-	-
838.607.595	838.607.595	-	-	838.607.595
Giá trị còn lại	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924
31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924	31.729.113.924

Quyền sử dụng đất

32.400.000.000

838.607.595

31.561.392.405

31.729.113.924

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

9. Tang, giảm tài sản cố định thuê tài chính  
 Đơn vị tính: VND





**BẢO CAO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày  
31/03/2021

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH**  
QUY I NĂM 2021

**13. Phải trả ngân hàng khác**

Kinh phí công đoàn  
Bảo hiểm xã hội  
**Cộng**

31/03/2021 VND 571.446.607  
2.351.444.542  
**2.922.891.149**

01/01/2021 VND 531.916.866  
2.192.339.986  
**2.724.256.852**

**14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Doanh thu chưa thực hiện của giao dịch bán và thuê lại  
TSCĐ thuê tài chính  
**Cộng**

31/03/2021 VND 2.910.070.073  
2.910.070.073  
**2.910.070.073**

01/01/2021 VND 3.127.698.866  
3.127.698.866  
**3.127.698.866**

3.127.698.866

3.127.698.866

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUÝ I NĂM 2021

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

31/03/2021

01/10/2021

Đơn vị tính: VND

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn (*)	278.702.412.412	278.702.412.412	153.769.745.570	129.369.928.892	254.302.595.734	254.302.595.734
+ Ngân hàng TMCP An Bình (a1)	269.462.448.556	269.462.448.556	153.769.745.570	125.775.595.978	241.468.298.964	241.468.298.964
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (a2)	8.329.522.460	8.329.522.460	9.129.522.460	17.792.434.218	16.992.434.218	16.992.434.218
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (a3)	4.800.000.000	4.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (a4)	169.815.500.000	169.815.500.000	70.050.482.110	70.100.482.110	169.865.500.000	169.865.500.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (a5)	38.006.211.510	38.006.211.510	20.070.000.000	6.696.150.075	24.632.361.585	24.632.361.585
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (a6)	46.511.214.586	46.511.214.586	50.719.741.000	27.386.529.575	23.178.003.161	23.178.003.161
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chaillease (b3)	9.239.963.856	9.239.963.856	-	3.594.332.914	12.834.296.770	12.834.296.770
+ Công ty BIDV - Sumi Trust (b4)	5.752.399.231	5.752.399.231	-	2.244.643.743	7.997.042.974	7.997.042.974
	3.487.564.625	3.487.564.625	-	1.349.689.171	4.837.253.796	4.837.253.796



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tà 1, Xã Đức Hòa Hạ,  
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUÝ I NĂM 2021

**15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	31/03/2021		Trong năm		01/01/2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>b) Dài hạn (**)</b>							
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>							
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (b1)	40.420.120.453	40.420.120.453	23.044.007.000	20.139.828.800	38.602.156.253	38.602.156.253	
+ Ngân hàng TMCP An Bình (b2)	22.308.009.900	22.308.009.900	19.431.030.000	20.139.828.800	23.016.808.700	23.016.808.700	
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (a5)	2.145.824.100	2.145.824.100	-	291.550.000	2.437.374.100	2.437.374.100	
	731.155.800	731.155.800	-	19.848.278.800	20.579.434.600	20.579.434.600	
	19.431.030.000	19.431.030.000	19.431.030.000	-	-	-	
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>18.112.110.553</b>	<b>18.112.110.553</b>	<b>3.612.977.000</b>	<b>-</b>	<b>15.585.347.553</b>	<b>15.585.347.553</b>	
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chaillease (b3)	9.285.608.247	9.285.608.247	-	-	9.285.608.247	9.285.608.247	
+ Công ty BIDV - Sumi Trust (b4)	8.826.502.306	8.826.502.306	3.612.977.000	-	6.299.739.306	6.299.739.306	
<b>Cộng</b>	<b>319.122.532.865</b>	<b>319.122.532.865</b>	<b>176.813.752.570</b>	<b>149.509.757.692</b>	<b>292.904.751.987</b>	<b>292.904.751.987</b>	

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	61.000.000.000	1.645.507.026	62.645.507.026
Tăng vốn trong năm trước	39.000.000.000	-	39.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	14.786.588.555	13.141.081.529
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>14.786.588.555</b>	<b>114.786.588.555</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>14.786.588.555</b>	<b>114.786.588.555</b>
Tăng vốn trong năm nay	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	12.577.595.351	12.577.595.351
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>27.364.183.906</b>	<b>177.364.183.906</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 QUÝ I NĂM 2021

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

**16. Vốn chủ sở hữu**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/03/2021	01/01/2021
Phan Văn Quân	45.000.000.000	30.000.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	56.250.000.000	37.500.000.000
Các đối tượng khác	48.750.000.000	32.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
	100	100
	VND	VND
	%	%

**c) Các giao dịch và vốn với các chủ sở hữu**

	31/03/2021	01/01/2021
Vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	61.000.000.000
Vốn góp đầu năm	-	-
Vốn góp tăng trong năm	50.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	100.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	15.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

Số dư cuối kỳ: 100.000.000.000 VND

Số dư cuối kỳ: 100.000.000.000 VND

**BẢO CAO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày  
31/03/2021

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH**

QUÝ I NĂM 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢO CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần bán thành phẩm và hàng hóa

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Lãi chênh lệch tỷ giá

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Lô chênh lệch tỷ giá

Cộng

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên

Chi phí khấu hao

Chi phí bán hàng khác

b) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên

Chi phí khấu hao

Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Quý I năm 2021

VND

225.082.349.004

225.082.349.004

Quý I năm 2021

VND

197.706.161.081

197.706.161.081

Quý I năm 2021

VND

491.743

0

491.743

Quý I năm 2021

VND

6.125.385.069

7.002.000

6.132.387.069

Quý I năm 2021

VND

3.939.833.259

1.759.019.000

368.666.717

1.812.147.542

1.564.411.945

909.047.000

178.203.030

477.161.915



10/ GT S.M. TH. T.





**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH**

QUY I NĂM 2021

**BẢO CẢO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày

31/03/2021



**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận  
phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  
Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Năm nay
12.577.595,351
-
10.348.144
1.215

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Năm nay	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.393.358,000
Chi phí nhân công	2.701.302,458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.865.682,479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.697,598
Chi phí khác bằng tiền	1.257.465,709
<b>Cộng</b>	<b>55.719.506,244</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biên

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ YẾN NGA

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021



PHAN VĂN QUẢN